

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Vinh Son- Song Hinh Hydro Power Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở: 21, Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256.3892 792

Fax: 0256. 3891 975

Email: hpp_vssh@evn.com.vn

Website: www.vshpc.evn.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



(Theo thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Vinh Son- Song Hinh Hydro Power Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở: 21, Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256.3892 792

Fax: 0256. 3891 975

Email: hpp_vssh@evn.com.vn

Website: www.vshpc.evn.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



(Theo thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**
Năm báo cáo: **2018**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100562786
- Vốn điều lệ: 2.062.412.460.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.062.412.460.000 đồng
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 02563 892792
- Số fax: 02563 891975
- Webside: www.vshpc.evn.com.vn
- Mã cổ phiếu: VSH
- Quá trình hình thành và phát triển:

* Ngày 11/07/1994 Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn được thành lập theo Quyết định số 415NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng.

* Ngày 03/07/2000: đổi tên doanh nghiệp Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn thành Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Quyết định số 163 EVN/HĐQT-TCCB.ĐT của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

* Ngày 02/12/2004: chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

* Ngày 04/5/2005 Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hình chính thức đăng ký kinh doanh và đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

* Ngày 07/7/2005 Công ty có phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã số chứng khoán là VSH.

* Ngày 18/7/2006 Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

* Tháng 12/2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.000.000.000 đồng lên 1.374.942.580.000 đồng.

* Tháng 12/2009 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.374.942.580.000 đồng lên 2.062.412.460.000 đồng.

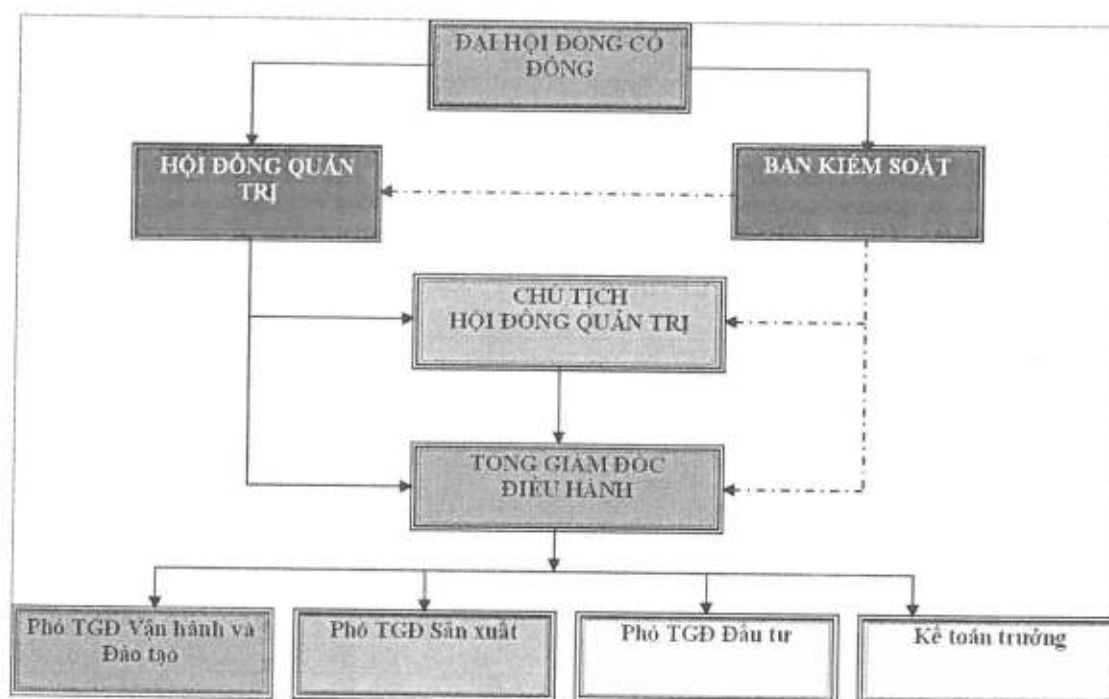
- Các sự kiện khác: Không.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

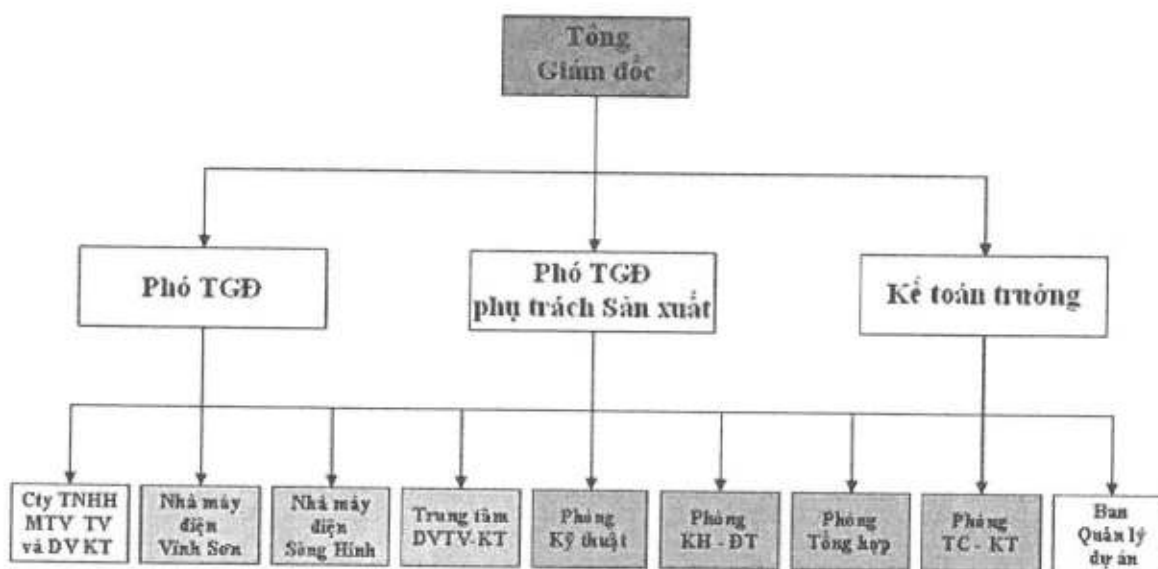
- * Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- * Địa bàn kinh doanh chính: Tỉnh Bình Định và Phú Yên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con:

- Tên: Công ty TNHH MTV Tư vấn và dịch vụ Kỹ thuật VSH
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tư vấn khảo sát thiết kế, giám sát các công trình xây dựng.
- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%

+ Công ty liên kết:

- Tên: Công ty cổ phần Du lịch Bình Định
- Địa chỉ: 08 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lữ hành.
- Vốn điều lệ thực góp: 9.812.957.192 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49,72%

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu:

* Phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng thủy điện (chủ yếu ở các tỉnh miền Trung và Tây nguyên) cung cấp ngày càng nhiều điện năng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

* Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất-kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho các Cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

4.2. Chiến lược phát triển :

*** Chiến lược phát triển ngắn hạn:**

- Nâng cao và phát huy có hiệu quả sản xuất kinh doanh tại hai nhà máy thủy điện hiện có là Nhà máy Vĩnh Sơn và Nhà máy Sông Hinh mà Công ty đang sở hữu và khai thác bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng thêm sản lượng điện phát.

- Dự án nâng cao năng lực khai thác hồ chứa Vĩnh Sơn và Sông Hinh
 - + Điện lượng tăng trung bình năm: 50 triệu kWh
 - + Tổng mức đầu tư: 100×10^9 đồng
 - + Tiến độ thực hiện: Đang hoàn thiện thủ tục.

*** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Công ty tập trung cao độ vào đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống là đầu tư và khai thác các dự án thủy điện, với các dự án:

- Dự án thủy điện Thượng KonTum:
 - + Công suất lắp máy: 220 MW

- | | |
|------------------------------|----------------------------|
| + Điện lượng trung bình năm: | 1.094,2 triệu kWh |
| + Tổng mức đầu tư: | 7.407x10 ⁹ đồng |
| + Tiến độ thực hiện: | 2009 - 2019 |
- Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2&3:
- * Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2:

+ Công suất lắp máy:	80 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	365,6 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	2.300x10 ⁹ đồng
+ Tiến độ thực hiện:	Đang tạm dừng thực hiện
 - * Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 3:

+ Công suất lắp máy:	30 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	113 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	777x10 ⁹ đồng
+ Tiến độ thực hiện:	Đang thực hiện tái khởi động lại dự án
 - * Dự án Điện Mặt trời: Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Về môi trường, Công ty đã thực hiện đúng công tác giám sát chất lượng môi trường hàng năm và định kỳ báo cáo kết quả tới cơ quan liên quan theo đúng quy định, tiến hành trồng cây xanh xung quanh hồ chứa cũng như nhà máy theo đúng nội dung cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Về xã hội và cộng đồng, Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế - xã hội của địa phương, bao gồm: tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại nhà máy và công trường; tăng thu nhập cho người dân; hỗ trợ phát triển ngành thương mại dịch vụ quy mô nhỏ tại địa phương; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp đường, xây dựng hệ thống đường điện...

5. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro chung:

* *Rủi ro về kinh tế:* Trong giai đoạn hiện nay, dưới tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, sự suy thoái, khủng hoảng kinh tế sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung cũng như ảnh hưởng xấu đến đời sống của người dân và gián tiếp tác động đến sản xuất và kinh doanh điện năng.

* *Rủi ro về pháp luật:* Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật chứng khoán... và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, đặc biệt là các quy định liên quan đến sản xuất và kinh doanh điện năng. Với đặc điểm hệ thống luật hiện tại chưa hoàn chỉnh, thiếu tính ổn định và không nhất quán khả năng vẫn có những

thay đổi về luật, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế... Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty.

6.2. Rủi ro đặc thù:

* *Rủi ro về thời tiết:* Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Biến đổi khí hậu sẽ làm thay đổi lượng mưa ảnh hưởng tới chu kỳ thủy văn và dòng chảy của sông, làm ảnh hưởng đến sản lượng phát của các dự án thủy điện. Lượng trầm tích tăng lên cũng có thể làm tăng tốc độ bồi lắng lòng hồ và làm tuabin máy phát mau hư hỏng, dẫn tới giảm sản lượng phát điện. Trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế làm ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

* *Rủi ro về giá điện:* Thị trường điện Việt Nam bắt đầu thực hiện từ ngày 01/07/2012, các nhà máy thủy điện chỉ có thể bán điện cho đơn vị duy nhất là Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó còn nhiều bất cập như đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện với EVN rất khó khăn, thiếu minh bạch và thường kéo dài; giá bán điện phụ thuộc vào quyết định của EVN do vậy xuất hiện nguy cơ giá của EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi hoặc không bù đắp được chi phí đầu tư vào hoạt động sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Cuối năm 2017, diễn biến thời tiết khu vực miền Trung, Tây Nguyên diễn biến khá thất thường, lưu lượng nước về năm 2018 tại các hồ chứa của hai nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh tương đối thấp hơn so với với lưu lượng về của các năm trước. Điều này đã tạo nên một số khó khăn nhất định cho công tác điều hành sản xuất kinh doanh, dẫn đến sản lượng điện phát cả năm tương đối thấp hơn so với kế hoạch đề ra. Mặc dù vậy, Ban điều hành cùng với toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã quán triệt và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2018, trên cơ sở chương trình hành động tiết kiệm và tối ưu hoá chi phí sản xuất.

- Công tác vận hành, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đạt chất lượng tốt, đảm bảo 2 nhà máy vận hành an toàn, tin cậy, liên tục đáp ứng phương thức vận hành của Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia. Thực hiện tốt công tác ATLD – VSLĐ – PCCN, trong năm không xảy ra tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Công tác vận hành các hồ chứa đảm bảo an toàn thiết bị công trình và cư dân hạ du.

- Kể từ năm 2012, EVN thực hiện lộ trình thị trường phát điện cạnh tranh, Công ty là một trong các công ty phát điện phải tham gia. Công ty đã chuẩn bị

tốt các điều kiện tham gia quản lý chào giá, nhân sự và cơ sở hạ tầng như: thông tin, hệ thống đo đếm... cho nên công tác chào giá hàng ngày, hàng tuần và tháng đạt kết quả tương đối tốt.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐV: tỷ đồng

S T T	Chỉ tiêu	Đ.vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	SL điện thương phẩm	Tr KWh	740,90	722,42	97,51
2	Tổng doanh thu	Tỷ VND	559,03	597,56	106,89
	DT từ SX điện, DV		529,03	562,81	106,38
	DT từ hoạt động TC		29,50	33,35	113,05
	DT khác		0,50	1,30	260
3.	Tổng LN trước thuế	Tỷ VND	309,91	342,50	110,51
4.	Tổng LN sau thuế	Tỷ VND	277,00	306,21	110,54
5.	Tỷ suất LN/VĐL	%	13,43	14,85	110,57
6.	Tỷ lệ cố tức	%	10		

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

- Nguyễn Văn Thanh: Tổng Giám đốc
- Hoàng Anh Tuấn: Phó Tổng Giám đốc
- Dương Tấn Tường: Phó Tổng Giám đốc
- Huỳnh Công Hà: Kế toán trưởng.

2.2. Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ cổ phần sở hữu:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Số lượng CP sở hữu: 18.513
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0.001%
- Quá trình công tác:
 - 07/1992-08/1994: Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn.
 - 08/1994-07/2005: Phó phòng Kỹ thuật/ Trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn.
 - 08/2005 – 04/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.
 - 04/2009 – 04/2015: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện

04/2015 – nay: Vĩnh Sơn – Sông Hình
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện
Vĩnh Sơn – Sông Hình

2. Ông Hoàng Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc vận hành và Đào tạo

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Vận hành và Đào tạo
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1968
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Số lượng CP sở hữu: 03 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0,00%
- Quá trình công tác:
8/1992-8/1994: Cán bộ kỹ thuật Ban chuẩn bị sản xuất Ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn
9/1994-12/2000: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
1/2001-9/2003: Phó quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
10/2003-6/2005: Quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
7/2005-11/2009: Trưởng khu vực Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
12/2009-nay: Phó Tổng Giám đốc vận hành và đào tạo Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hình

3. Ông Dương Tấn Tường - Phó Tổng Giám đốc sản xuất

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc sản xuất
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1976
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Số lượng CP sở hữu: 18.500 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0,001%
- Quá trình công tác:
1999-2000: Cán bộ kỹ thuật, P.Kỹ thuật Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
2000-2001: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
2001-2006: Chuyên viên kỹ thuật phụ trách công tác sửa chữa, bảo dưỡng 2 nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hình
3/2007-7/2008: Phó Trung tâm dịch vụ tư vấn kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
8/2008-3/2009: Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
4/2009-12/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện

1/2010-nay
Vĩnh Sơn-Sông Hình
Phó Tổng Giám đốc sản xuất Công ty CP thủy
điện Vĩnh Sơn-Sông Hình

4. Ông Huỳnh Công Hà – Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1965
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số lượng CP sở hữu: Không
- Tỷ lệ sở hữu CP: Không
- Quá trình công tác:
 - 01/1987 – 09/1993: Kế toán tổng hợp, Công ty Vật tư thành phố Quy Nhơn
 - 10/1993 – 04/2008: Thanh tra viên, Thanh tra tỉnh Bình Định
 - 05/2008 – 10/2008: Thanh tra viên chính, Thanh tra tỉnh Bình Định
 - 11/2008 – 06/2009: Phó phòng Tài chính-Kế toán, Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình.
 - 07/2009 – nay: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

2.4. Cán bộ nhân viên:

* Số lượng CB-NV tính đến 31/12/2018: 215 người

* Các chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng: Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và quy mô hoạt động của Công ty, hàng năm Công ty đều có chủ trương tuyển dụng lao động với mục tiêu là tuyển chọn được lao động có trình độ và năng lực chuyên môn phù hợp với từng vị trí làm việc tại Công ty. Tùy theo từng vị trí công việc cụ thể mà Công ty có những tiêu chuẩn riêng nhưng tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành, có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và yêu thích công việc, ham học hỏi và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng việc tuyển dụng cần phải chặt chẽ hơn với các yêu cầu cao hơn như kinh nghiệm công tác, năng lực phân tích và tổng hợp, khả năng tác nghiệp độc lập, trình độ ngoại ngữ và tin học...

Đào tạo: Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên trong Công ty, thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

Thu hút nhân tài: Ngoài ra, Công ty còn có những chính sách đãi ngộ đặc biệt về lương, thưởng và các chế độ ưu đãi khác dành cho những cán bộ, nhân viên giỏi nhằm tập hợp, thu hút nguồn nhân lực có năng lực giỏi, trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Chính sách lương: Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động. Mục tiêu của Công ty là đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tiền lương phải phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Do vậy, cán bộ nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương chế độ quy định của nhà nước còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

Chính sách thưởng: Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

Phúc lợi: Hàng năm cán bộ nhân viên Công ty ngoài việc được hưởng các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ, tết còn được Công ty quan tâm tổ chức cho tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước. Ngoài ra, Công ty còn trích quỹ phúc lợi để thăm hỏi cán bộ nhân viên và gia đình khi có việc riêng như ma chay, cưới hỏi, đau ốm...

Ngoài các chính sách trên, Công ty còn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất như thời gian, kinh phí... để cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên...)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

3.1.1. Các khoản đầu tư tài chính được thực hiện trong năm: Không có.

3.1.2. Tình hình thực hiện các dự án lớn:

a. Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:

Tình hình thi công Dự án thủy điện Thượng Kon Tum, trong năm 2018 cơ bản đáp ứng tiến độ đề ra, cụ thể như sau:

a.1 Tuyển áp lực:

- Công tác thi công Đập dâng đã hoàn thành.
- Công tác thi công Đập tràn xã lữ đã hoàn thành.
- Công tác lắp đặt thiết bị cơ khí đập tràn, cống xả môi trường đã hoàn thành công tác thử khô, đang tiến hành nghiệm thu để đưa vào sử dụng.

a.2. Tuyển năng lượng:

a. CNN và 5km đầu đường hầm:

* Cửa nhận nước:

- Phần xây dựng: Đã hoàn thành công tác bê tông CNN và cầu công tác.
- Phần thiết bị: Đã hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị và thử khô.

* 5km đầu đường hầm:

+ Công tác đào: đã hoàn thành, được 1890md/1890md.

+ Công tác gia cố:

Gia cố nền: Lũy kế được 4928,0md/ 4941,5md, đạt 99,70%

Gia cố loại IV: Lũy kế được 49,0md/ 54,85md, đạt 89,33%

b. Đường hầm dẫn nước bằng TBM:

Đến ngày 20/11/2018, TBM đào được 10.200m/ 10.449m đường hầm, đạt 97,62% khối lượng hợp đồng, khối lượng còn lại: 249,000m. Công tác đào hầm dẫn nước bằng TBM chưa đáp ứng so với tiến độ kế hoạch đề ra do gặp đứt gãy địa chất, phải xử lý an toàn cho thiết bị và con người trước khi thi công.

c. Cụm nhà máy: : Đảm bảo tiến độ năm 2018.

a.3. Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện: Đảm bảo tiến độ năm 2018.

b. Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:

Do điều kiện thu xếp vốn khó khăn, và để tập trung nguồn lực vào dự án Thượng Kon Tum, HĐQT đã ra Nghị quyết tạm dừng dự án. Ban QLDA chỉ thi công hoàn thiện các công trình phụ trợ như: đường vào nhà máy, đường vào tuyến đập và nhà quản lý điều hành Ban QLDA tại Vĩnh Sơn.

c. Các Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn và thủy điện Sông Hinh:

* Nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn:

Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước. Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra đang hoàn thiện và trình Bộ Công thương.

* Nâng cấp hồ Sông Hinh:

Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện M'Đrăk thuộc tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, Tư vấn đang kiểm tra và trình cho Công ty xem xét PA nâng XD thêm 1 nhà máy để phát điện giờ cao điểm và mùa lũ.

3.2. Các công ty con và công ty liên kết: (đến 31-12-2018)

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty con	Công ty liên kết
1. Tổng tài sản	1,77	27,92
2. Vốn điều lệ thực góp	1,00	9,81
3. Tỷ lệ sở hữu	100%	49,72%
4. DT bán hàng và dịch vụ	2,60	17,68
5. Lợi nhuận trước thuế	0.04	4,66
6. Lợi nhuận sau thuế	0.03	3,75
7. Lợi nhuận chuyển về CT	-	1,82

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính: (đến 31-12-2018)

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1. Tổng tài sản	6.752,78	7.960,42	117,88
2. DT bán hàng và dịch vụ	526,70	563,57	107,00
3. Doanh thu tài chính	34,88	33,35	95,61
4. LN thuần từ hoạt động KD	321,26	343,06	106,78
5. Lợi nhuận khác	-0,27	-0,57	211,11
6. Lợi nhuận từ công ty liên kết	1,91	1,82	95,28
7. Lợi nhuận trước thuế	320,99	342,49	106,70
8. Lợi nhuận sau thuế	283,95	306,21	107,84
9. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (10%)	72,63%	67,35%	92,73

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Cơ cấu tài sản				
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	16,47	10,21	

- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	83,53	89,79
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	56,98	62,38
- Vốn chủ Sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	43,02	37,62
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,01	1,86
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,76	1,60
Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,21	3,85
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	53,91	54,33
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	13,77	14,85

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu vào thời điểm 31/12/2018: 206.241.246 cổ phiếu.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành vào thời điểm 31/12/2018: 206.241.246 cổ phiếu phổ thông.

5.2. Cơ cấu cổ đông: (tính đến 24/04/2018)

Số cổ phần hiện tại: 206,241,246 CP (có 3.234 cổ đông)

Trong đó:

- Cổ đông nhà nước sở hữu : 63,016,948 CP chiếm 30.55%
- Cổ đông ngoài sở hữu : 143,224,298 CP chiếm 69.45%

Trong đó:

- + Cổ đông trong nước sở hữu : 113.660.450 CP chiếm 55.11 %
 - * Cổ đông là tổ chức : 86.741.756 CP chiếm 42.05 %
 - * Cổ đông là cá nhân : 26.918.694 CP chiếm 13.05 %
- + Cổ đông nước ngoài sở hữu : 29.563.848 CP chiếm 14,33 %
 - * Cổ đông là tổ chức : 28.952.862 CP chiếm 14.03 %
 - * Cổ đông là cá nhân : 610.986 CP chiếm 0.30 %

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2018: Không có.
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có.

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

6. Tác động liên quan đến môi trường và xã hội:

6.1. Nguồn nguyên vật liệu:

Đặc thù của nhà máy thủy điện nên là việc sản xuất điện năng chỉ dựa vào thế năng của nước (chiều cao cột nước) nên không sử dụng các loại nguyên vật liệu khác.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Như đã nêu trên, việc sản xuất điện năng của nhà máy thủy điện không sử dụng các nguồn năng lượng khác.

6.3. Tiêu thụ nước:

- a. Nguồn cung cấp và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp là nước mặt do mưa tự nhiên được tích ở các hồ chứa. Tổng lượng nước sử dụng để phát điện là: 1.356.243 triệu m³ (Vĩnh Sơn: 336.710x0.72, Sông Hinh: 393.570x2.83)
- b. Tỷ lệ và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về môi trường:

- a. Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b. Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách đối với người lao động: Đã trình bày ở mục 2.4

6.6. Trách nhiệm với cộng đồng địa phương:

Năm 2018, đã thực hiện chi 1.372,42 triệu đồng, cụ thể:

- Hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình chính sách, neo đơn, hộ nghèo đặc biệt khó khăn có nhu cầu về nhà ở trên địa bàn 350 triệu đồng
- Phụng dưỡng và xây nhà tưởng niệm Mẹ Việt Nam anh hùng với mức chi năm 2018 là 130,706 triệu đồng.
- Đóng góp ủng hộ cho đồng bào bị bão lụt cả nước 110,1 triệu đồng
- Thăm hỏi và tặng quà các gia đình chính sách, các mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày Thương binh – Liệt sỹ, hỗ trợ xây dựng Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, các hộ chính sách, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn nhà máy; đóng góp các quỹ: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, vì nạn nhân chất độc da cam, vì người nghèo ... với giá trị quà tặng gần 54 triệu đồng.
- Chi hỗ trợ công tác khuyến học và học bổng cho học sinh nghèo tại địa bàn 02 nhà máy nhân ngày khai giảng năm học mới 12 triệu đồng.
- Hỗ trợ gia đình công nhân bị tai nạn trên công trường thủy điện Thượng Kon Tum là 15 triệu đồng.
- Hỗ trợ gia đình công nhân bị tai nạn trong Tổng Công ty Phát điện 3 là 40,52 triệu đồng.
- Chi hỗ trợ xây dựng nông thôn tại địa phương nơi đặt các nhà máy điện với tổng số tiền là 742 triệu đồng.

- Đóng góp cho Quỹ tương trợ xã hội đóng trên địa bàn tỉnh Bình Định 28,194 triệu đồng để xây dựng nhà tình nghĩa.
- Ngoài ra, người lao động còn tham gia đóng góp từ tiền lương của mình để ủng hộ các hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh Bình Định và giúp đỡ đồng bào bị thiên tai trên cả nước theo phát động của GENCO3.

6.7. Hoạt động thị trường vốn xanh: Chưa thực hiện.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty:

Trong điều kiện tình hình kinh tế không ổn định, để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2018 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Công ty đã có những chính sách thận trọng trong việc triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

- Mặc dù tình hình thời tiết không được thuận lợi như các năm trước, các hồ chứa không được tích đủ nước nhưng Ban điều hành vẫn tổ chức điều hành hợp lý, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong Công ty trong việc điều tiết các hồ chứa phù hợp nhất cũng như quản lý vận hành hai nhà máy đạt hiệu quả cao nhất, đảm bảo nhu cầu điều động hệ thống điện, đặc biệt là trong công tác thị trường điện.

- Công tác đầu tư xây dựng dự án thủy điện Thượng Kon Tum gặp rất nhiều khó khăn chủ yếu là hạng mục Tuyển năng lượng do Liên danh nhà thầu Công ty CP xây dựng 47 và Công ty Robbins USA thực hiện các khối lượng còn lại của hầm dẫn nước do nhà thầu Trung Quốc thi công bằng TBM đã chấm dứt hợp đồng. Để tiếp tục triển khai các hạng mục, Công ty đã đưa ra các định hướng quan trọng để xử lý các vấn đề hiện tại và lâu dài cho dự án nhằm đảm bảo dự án được thực hiện đúng tiến độ đã được phê duyệt.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Trong năm 2018, Công ty đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

***Trong công tác quản lý:**

- Ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

- Kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành, không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty để đạt hiệu quả cao nhất.

- Ngoài ra, việc đầu tư vốn ở Công ty cổ phần Du lịch Bình Định cũng đã đem lại những hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Trong công tác kiểm soát:*

- Năm 2018, Công ty đã tiến hành áp dụng thực hiện chương trình Kaizen/5S cho tất cả các bộ phận quản lý cũng như các nhà máy sản xuất, tối ưu hóa các quy trình, công việc, đảm bảo duy trì công tác sẵn sàng sản xuất, tiến tới đạt hiệu quả sản xuất cao nhất.

- Tất cả các bộ phận trong Công ty đều duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào công tác quản lý, tuân thủ các quy trình, quy định, thực hiện và kiểm soát đầy đủ các mục tiêu chất lượng của từng bộ phận, đảm bảo Mục tiêu chất lượng của toàn Công ty.

- Kể từ năm 2017, Công ty bắt đầu vận hành chương trình quản lý nhân sự theo hiệu suất, xây dựng và áp dụng chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPIs) và cũng đã có những hiệu quả nhất định trong năm 2018.

- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ việc thực hiện các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng, tăng cường công tác quản lý, hạn chế thấp nhất việc xảy ra các sự cố.

- Thực hiện cập nhật những thay đổi, cải tiến trong quá trình áp dụng, sửa đổi và ban hành Sổ tay chất lượng theo cơ cấu của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản tính đến 31/12/2018 có tăng hơn so với tại thời điểm 31/12/2017 do tổng hợp các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Tài sản ngắn hạn: giảm, chủ yếu là do sử dụng nguồn vốn tự có vào thi công dự án Thượng Kon Tum.
- Tài sản dài hạn: tăng, chủ yếu là tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang do đầu tư xây dựng các dự án trong năm.

Trong cơ cấu tài sản không có nợ phải thu xấu và tài sản xấu có khả năng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả hiện tại: Các khoản nợ hiện tại chủ yếu là các khoản nợ vay dài hạn và các khoản vay dài hạn đến hạn trả, biến động lớn là do khoản vay nợ trung dài hạn cho dự án. Cụ thể:

- Vay và nợ ngắn hạn: Trong năm 2018, các hợp đồng trung dài hạn tài trợ vốn cho các dự án đã đến hạn trả, cho nên nợ ngắn hạn biến động tăng là do các khoản nợ dài hạn đã đến hạn trả được ghi nhận cho năm 2019.

- Vay và nợ dài hạn: Tăng chủ yếu là do ngân hàng giải ngân thanh toán giá trị khối lượng thực hiện trong năm và hoàn trả một phần chi phí đầu tư mà Công ty đã chi trước cho dự án Thượng Kon Tum.

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty không có nợ xấu. Chênh lệch tỷ giá cũng không có ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vì số dư nợ ngoại tệ còn tương đối thấp và trong năm cũng không có biến động lớn về tỷ giá.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2018, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức quản lý phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành để đạt hiệu quả cao nhất.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2018, việc thực hiện đầu tư các dự án thủy điện chưa đúng tiến độ theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị do vướng mắc một số thủ tục (như cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh, tích nước hồ chứa...) và bị ảnh hưởng do gặp phải địa chất xấu khi đào hầm bằng TBM. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện giải pháp xử lý, đồng thời cũng thực hiện linh hoạt và đồng bộ việc đảm bảo kế hoạch nhu cầu vốn cho các năm tiếp theo trên cơ sở phát huy nguồn vốn tự có tích lũy và huy động từ bên ngoài. Việc huy động các nguồn từ bên ngoài: phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay trong nước và nước ngoài... phải dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông (cổ tức) và hiệu quả các dự án đầu tư. Công ty triển khai các kế hoạch như sau:

4.1. Chiến lược đầu tư ngắn hạn:

Nhằm mục đích tăng nhanh hiệu quả sản xuất kinh doanh của 2 nhà máy hiện có, bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng sản lượng điện cho các nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Đảm bảo cổ tức ổn định cho cổ đông khi phát hành tăng vốn điều lệ và vốn tự có đối ứng để xây các dự án thủy điện mới như Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2&3.

- Nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn: Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác

quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước. Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra đang hoàn thiện và trình Bộ Công thương.

- Nâng cấp hồ Sông Hình: Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện MaĐ'rak thuộc tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, Tư vấn đang kiểm tra và trình cho Công ty xem xét PA nâng XD thêm 1 nhà máy để phát điện giờ cao điểm và mùa lũ.

4.2. Chiến lược đầu tư dài hạn:

- Dự án Thượng Kon Tum: đã thực hiện các giải pháp thay thế để tiếp tục khởi động thực hiện các hạng mục của dự án sớm nhất, đảm bảo theo đúng tiến độ hiệu chỉnh được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Dự án Vĩnh Sơn 3: Hiện tại Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng để xem xét việc tái khởi động lại dự án. Đến thời điểm thích hợp, dự án sẽ được tiếp tục thực hiện.

4.3. Chiến lược tài chính để phục vụ các dự án:

- Năm 2018, Công ty đã thực hiện một số thủ tục với các ngân hàng thương mại để huy động vốn bổ sung cho dự án. Công ty cũng đã đạt được một số thỏa thuận bước đầu với các ngân hàng thương mại và dự kiến nguồn vốn huy động bổ sung sẽ được thực hiện trong năm 2019.
- Dự kiến khi tình hình tài chính thuận lợi, Công ty sẽ phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi dự án cần vốn. Trong những năm tới, Công ty sẽ tiến hành tái cơ cấu tài chính để đảm bảo khi dự án hoàn thành, tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ sở hữu ở mức phù hợp nhất.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2018 do tình hình thủy văn mùa mưa năm cuối 2017 không được thuận lợi, trong năm 2018 thời tiết diễn biến thất thường nên lượng nước về các hồ chứa không đủ. Vì vậy sản lượng năm 2018 không đạt sản lượng kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành và tất cả các nhân viên trong Công ty, tình hình sản xuất kinh doanh tài chính và đầu tư xây dựng đều đạt kết quả tốt, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Công tác vận hành, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đạt chất lượng tốt, đảm bảo 2 nhà máy vận hành an toàn, tin cậy, liên tục đáp ứng phương thức vận hành của Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia. Thực hiện tốt công tác ATLĐ – VSLĐ – PCCN, trong năm không xảy ra tai nạn

lao động và sự cố cháy nổ. Công tác vận hành các hồ chứa đảm bảo an toàn thiết bị công trình và cư dân hạ du.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Nhìn chung, Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện đúng các chức năng theo quy định của Điều lệ Công ty. Tình hình sản xuất kinh doanh điện năng năm qua tương đối thuận lợi cùng với nhiều cố gắng trong quản lý và điều hành nên các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra.

Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc sắp xếp, ổn định bộ máy tổ chức của Công ty đảm bảo Công ty hoạt động đều; có sự năng động trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2019, hoạt động của HĐQT tập trung vào những nội dung sau:

1- Quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng theo các nhiệm vụ và chức năng được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2- Chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các kế hoạch dài hạn nhằm tăng tiềm lực sản xuất kinh doanh, có khả năng cạnh tranh để định hướng phát triển Công ty. Cụ thể tập trung vào các vấn đề sau:

3.1- Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn điện:

Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư. Cụ thể như sau:

*** Dự án thủy điện Thượng Kon Tum**

1. Tuyển áp lực:

- Hoàn thiện công tác nghiệm thu các cấp, bàn giao để đưa vào sử dụng hạng mục công trình Tuyển áp lực (bao gồm: cấp cơ sở, cấp Công ty và cấp Nhà nước)

- Tiến hành nút công dẫn dòng để tích nước hồ chứa vào khoảng tháng 7 đến tháng 8/2019

2. Tuyển năng lượng:

a. Hạng mục: Cửa nhận nước và 5km đường hầm

- Hoàn thiện công tác xây dựng;

- Tổ chức nghiệm thu các cấp, bàn giao để đưa vào sử dụng hạng mục công trình (bao gồm: cấp cơ sở, cấp Công ty và cấp Nhà nước) phục vụ cho việc tích nước hồ chứa.

- Tổ chức thử nghiệm nạp nước đường hầm để phục vụ cho việc phát điện.

c. Hạng mục Cụm nhà máy:

- Hoàn thiện công tác xây dựng;

- Tổ chức nghiệm thu các cấp, bàn giao để đưa vào sử dụng hạng mục công trình (bao gồm: cấp cơ sở, cấp Công ty và cấp Nhà nước).

d. Công tác lắp đặt thiết bị cơ điện:

- Hoàn thành toàn bộ công tác lắp đặt thiết bị cơ điện nhà máy và trạm phân phối;

- Tổ chức nghiệm thu các cấp, bàn giao để đưa vào sử dụng hạng mục công trình (bao gồm: cấp cơ sở, cấp Công ty và cấp Nhà nước);

- Tổ chức thử tải, nghiệm thu đóng điện;

- Phát điện 02 tổ máy vào cuối năm 2019.

3. Công tác tiếp nhận thiết bị cơ điện: hoàn thành công tác tiếp nhận, vận chuyển và bảo quản thiết bị, cũng như bàn giao cho nhà thầu lắp đặt trong năm 2019.

4. Công tác bồi thường - GPMB, thu hồi giao đất và di dân, tái định cư:

a. Công tác bồi thường – GPMB: Trong năm 2019, tiếp tục giải quyết dứt điểm các tồn tại của công tác bồi thường - GPMB, chi trả xong các chi phí hỗ trợ đã được phê duyệt cho người dân. Quyết toán chi phí bồi thường.

b. Công tác di dân, tái định cư: phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết tốt công tác hậu tái định cư. Đơn đốc Ban QLDA di dân của huyện KonPlông tiến hành nghiệm thu bàn giao để đưa toàn bộ Dự án thành phần di dân, tái định cư vào sử dụng và quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

5. Công tác chuẩn bị tích nước hồ chứa:

- Thực hiện theo các nội dung công việc chuẩn bị tích nước hồ chứa theo tiến độ đã được phê duyệt tại Quyết định số 1304/QĐ-VSH-HĐQT ngày 06/9/2017 của HĐQT, và Quyết định số 1082/QĐ-VSH-KHĐT ngày 24/7/2017 của Tổng Giám đốc.

- Hiện nay, còn tồn tại 02 vấn đề sau:

(1) Nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng các hạng mục phục vụ cho việc tích nước hồ chứa là: hạng mục Đập dâng, Đập tràn và Cửa nhận nước;

(2) Chấp thuận của Bộ TNMT về công tác thu dọn lòng hồ và cho phép tích nước hồ chứa.

6. Công tác chuẩn bị sản xuất:

Triển khai công tác chuẩn bị sản xuất nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum, bao gồm:

- Tiếp tục trang bị cơ sở vật chất ban đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Ban chuẩn bị sản xuất;

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng các chức danh vận hành nhà máy, vận hành công trình thủy công.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực để tiếp quản, tổ chức khai thác, vận hành nhà máy đáp ứng các yêu cầu đề ra.

7. Dự kiến kế hoạch vốn cho dự án Thượng Kon Tum trong năm 2019 là 988,497 tỷ đồng.

8. Công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng: Tiếp tục phối hợp với đơn vị Tư vấn Luật để thực hiện công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng với Nhà thầu Hoa Đông – Trung Quốc.

9. Công tác đàm phán giá điện cho nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum:

- Trình Bộ Công thương phê duyệt hiệu chỉnh sản lượng điện bình quân năm theo Quy trình vận hành hồ chứa liên hồ và đơn hồ được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Công thương phê duyệt;

- Triển khai công tác đàm phán giá điện với Công ty Mua Bán điện, và EVN.

10. Công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình:

Triển khai công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sau khi công trình đưa vào khai thác, sử dụng đảm bảo thời gian quy định.

* Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:

Hoàn thiện các yêu cầu của UBND tỉnh Bình Định về bảo đảm môi trường xây dựng các công trình phụ trợ: đường vào nhà máy, đường vào đập;

* Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn:

Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước.

* Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Sông Hinh:

Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện Ma Đ'Răk thuộc tỉnh Đắk Lắk.

* Dự án đầu tư xây dựng Điện mặt trời:

Thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành đã ký kết hợp đồng với Công ty CP tư vấn xây dựng Điện 4 (TV4) để triển khai lập quy hoạch bổ sung Dự án năng lượng mặt trời ở khu vực lòng hồ thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Đến nay, TV4 đã hoàn thành và giao nộp hồ sơ bổ sung quy hoạch, Ban điều hành sẽ xem xét hồ sơ và tiến hành trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

3.2- Kế hoạch phát triển công nghệ và nguồn nhân lực:

Tiếp tục xây dựng mô hình quản lý hiện đại để tăng hiệu quả quản lý sản xuất kinh doanh; sắp xếp và phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho phù hợp với mô hình sản xuất.

3.3- Kế hoạch Tài chính doanh nghiệp:

Cân đối nguồn vốn (từ vốn tích lũy và vốn vay) để sử dụng cho các dự án đầu tư trong năm 2019 của Công ty một cách hiệu quả nhất.

4.4- Quản trị doanh nghiệp:

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động cụ thể của Công ty. Kịp thời đổi mới mô hình quản lý điều hành của Công ty để nâng cao hiệu quả.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

1.1.1. Danh sách:

- Ông Võ Thành Trung - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Thanh - Ủy viên HĐQT
- Ông Lê Tuấn Hải - Ủy viên HĐQT
- Ông Phan Hồng Quân - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Xuân Quang - Ủy viên HĐQT

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập không điều hành.

1.1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Trong đó		
			Sở hữu	Đại diện	
1. Võ Thành Trung	Chủ tịch	38.070.539	260.370	37.810.169	18,46
2. Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	25.225.292	18.513	25.206.779	12,23
3. Lê Tuấn Hải	Ủy viên	43.329.650	0	43.329.650	21,01
4. Phan Hồng Quân	Ủy viên	0	0	0	0
5. Nguyễn Xuân Quang	Ủy viên	29.234.900	0	29.234.900	14,17

1.1.3. Chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

Họ và tên	Chức vụ	Chức danh HĐQT tại các Công ty khác
Võ Thành Trung	Chủ tịch	- Chủ tịch HĐQT, CTCP Du lịch Bình Định
Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	

Lê Tuấn Hải	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Nhiệt điện Phả Lại - TV HĐQT, CTCP Thủy điện Thác Bà - TV HĐQT, CTCP Thủy điện Thác Mơ - TV HĐQT, CTCP Thủy điện Miền Nam - TV HĐQT, CTCP Phát triển điện nông thôn Trà Vinh
Phan Hồng Quân	Ủy viên	- CT HĐQT, CTCP Đầu tư phát triển HL Nha Trang
Nguyễn Xuân Quang	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP thủy điện Thái An - TV HĐQT, CTCP Za Hưng

1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Có một tiểu ban:

Tiểu ban Kinh tế - Kỹ thuật được thành lập theo nghị quyết số 469/2014/NQ-VSH-HĐQT ngày 21/04/2014 của Hội đồng quản trị. Trong năm 2018, tiểu ban không hoạt động.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, HĐQT Công ty họp trực tiếp 4 lần và lấy ý kiến qua thư 56 lần, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được phân công cho từng thành viên và theo nội dung nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018, nghị quyết của HĐQT tại phiên họp thường kỳ. Cụ thể:

- Tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT;
- Công tác SXKD và ĐTXD năm 2018 nhất trí theo các báo cáo của TGD.
- Làm việc với các tổ chức tín dụng, ký kết các hợp đồng vay vốn cho dự án thủy điện Thượng Kon Tum.
- Triển khai thực hiện Dự án thủy điện Thượng Kon Tum

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2018

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	88/NQ-VSH-HĐQT	18/01/2018	Nghị quyết phê duyệt Dự thảo Phụ lục hợp đồng thi công xây dựng, gói thầu số TKT-4.2.1B: Thi công đường hầm dẫn nước bằng TBM (lý trình km5 - km14+447) và gia cố phần còn lại (lý trình km14+447 - km17+185), Dự án thủy điện Thượng Kon Tum.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
2.	106/NQ-VSH-HĐQT	24/01/2018	Nghị quyết phê duyệt Hồ sơ mời thầu, gói thầu TKT-15.14: Tư vấn lập phương án phòng và chống lũ, lụt vùng hạ du đập, DA TĐ TKT.
3.	121/NQ-VSH-HĐQT	30/01/2018	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 01/2018 ngày 30/01/2018: <ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt một số chỉ tiêu chính của KH SXKD-ĐTXD 2018. - Phê duyệt trích Quỹ lương bổ sung do vượt kế hoạch theo Quy chế Tài chính. - Phê duyệt các hạng mục thuộc dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. - Phê duyệt đề cương – dự toán đánh giá lại hiệu quả đầu tư dự án Vĩnh Sơn 2,3.
4.	204/NQ-VSH-HĐQT	28/02/2018	Nghị quyết phê duyệt Đề cương - Dự toán tính toán lại sản lượng điện nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum.
5.	304/NQ-VSH-HĐQT	21/03/2018	Nghị quyết phê duyệt hiệu chỉnh thiết kế kỹ thuật - dự toán, hạng mục: Hầm giao thông và hầm phụ 2, DA TĐ TKT.
6.	323/NQ-VSH-HĐQT	26/03/2018	Nghị quyết phê duyệt chi phí Tư vấn lập và Tư vấn thẩm tra Tổng mức đầu tư điều chỉnh, dự án TĐ TKT.
7.	325/NQ-VSH-HĐQT	26/03/2018	Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và tạm chi trả cổ tức 10% năm 2017.
8.	372/NQ-VSH-HĐQT	29/03/2018	Nghị quyết phê duyệt TKKT - dự toán Cầu trục buồng khí nén - Bể điều áp, DA TĐ TKT.
9.	411/NQ-VSH-HĐQT	06/04/2018	Nghị quyết bãi nhiệm ông Nguyễn Thúc Chân - thôi giữ chức Phó Trưởng Ban Quản lý dự án thủy điện VSH từ ngày 10/4/2018.
10.	518/NQ-VSH-HĐQT	27/04/2018	Nghị quyết phê duyệt chi phí thẩm tra hồ sơ tính toán sản lượng điện dự án TĐ TKT.
11.	519/NQ-VSH-HĐQT	27/04/2018	Nghị quyết phê duyệt chi định nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, hạng mục: Nhà quản lý vận hành khu đầu mối, DA TĐ TKT.
12.	540/NQ-VSH-HĐQT	03/05/2018	Nghị quyết về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng giám sát thi công XD tuyến năng lượng và bổ sung chi phí chuyên gia giám sát nước ngoài do kéo dài thời gian thi công gói thầu TKT-4.2.1B, phần việc: Đào và gia cố đường hầm dẫn nước, DA TĐ TKT.
13.	575/NQ-VSH-HĐQT	14/05/2018	Nghị quyết phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục: Cải tạo, nâng cấp ổn định Tuyến năng lượng (Đoạn từ mốc 613 đến mốc néo 611), công trình thủy điện Vĩnh Sơn.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14.	631/NQ-VSH-HĐQT	25/05/2018	Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đấu thầu, lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2018 - Phần công trình xây dựng.
15.	640/NQ-VSH-HĐQT	29/05/2018	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 2/2018, ngày 29/05/2018: - Thống nhất Báo cáo của TGD về kết quả SXKD-ĐTĐD năm 2017 và Kế hoạch SXKD-ĐTĐD năm 2018. - Thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại ĐHCĐ TN 2018 - Phê duyệt các hạng mục thuộc dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.
16.	682/NQ-VSH-HĐQT	01/06/2018	Nghị quyết phê duyệt Hồ sơ mời thầu, gói thầu (VS-D9T1) thi công cải tạo, nâng cấp ổn định Tuyến năng lượng (đoạn mố 613 đến mố 611), CT TĐ Vĩnh Sơn.
17.	701/NQ-VSH-HĐQT	07/06/2018	Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh sản lượng điện bình quân dự án thủy điện Thượng Kon Tum.
18.	740/NQ-VSH-HĐQT	14/06/2018	Nghị quyết phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, gói thầu (TKT-15.14): Tư vấn lập phương án phòng, chống lũ, lụt vùng hạ du đập, DA TĐ TKT.
19.	752/NQ-VSH-HĐQT	15/06/2018	Nghị quyết phê duyệt gia hạn hợp đồng thi công gói thầu TKT-4.2.1C, DA TĐ TKT.
20.	922/NQ-VSH-HĐQT	19/07/2018	Nghị quyết phê duyệt Đề cương - Dự toán công tác Tư vấn phòng cháy, chữa cháy - dự án TĐ Thượng Kon Tum.
21.	926/NQ-VSH-HĐQT	20/07/2018	Nghị quyết phê duyệt dự toán chi phí thẩm tra quy trình vận hành hồ chứa, DA TĐ TKT.
22.	966/NQ-VSH-HĐQT	31/07/2018	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 03/2018 ngày 31/7/2018. - Thông qua Báo cáo của tình hình SXKD 06 tháng đầu năm và KH SXKD 06 tháng cuối năm 2018 của TGD. - Thông qua, với tỷ lệ 03/05, về việc không chia cổ tức thêm từ LNST theo TT61 của BTC. Phần lợi nhuận còn lại được sử dụng đầu tư phát triển DA TKT. - Phê duyệt các hạng mục thuộc dự án thủy điện Thượng Kon Tum. - Thống nhất hỗ trợ kinh phí cho làng Kon Lanh Te, xã Đăkroong, huyện K'Bang, Gia Lai, với số tiền: 400 triệu đồng. - Thống nhất hỗ trợ đầu tư sản xuất lúa nước, giúp 2 buôn nghèo (Buôn Đức, Buôn Mùi) xã Ea Trol, huyện Sông Hinh, với số tiền: 300 triệu

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			đồng.
23.	1050/NQ-VSH- CT.HĐQT	17/08/2018	Nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ trong Hội đồng Quản trị.
24.	1086/NQ-VSH- HĐQT	30/08/2018	Nghị quyết phê chuẩn bổ nhiệm ông Hồ Đắc Toàn - Phó Phòng Kỹ thuật - Phụ trách Phòng Kỹ thuật Công ty VSH kể từ ngày 01/9/2018.
25.	1087/NQ-VSH- HĐQT	30/08/2018	Nghị quyết về việc phê duyệt đề cương - dự toán tính toán lại hiệu quả DA TĐ TKT.
26.	1088/NQ-VSH- HĐQT	30/08/2018	Nghị quyết phê duyệt bổ sung chi phí vận chuyển thiết bị cơ điện đối với hàng thường, DA TĐ TKT.
27.	1092/NQ-VSH- HĐQT	30/08/2018	Nghị quyết phê duyệt đề cương và dự toán đo ứng suất đá năm 2018, hạng mục: Tuyển năng lượng, Dự án TĐ TKT.
28.	1332/NQ-VSH- HĐQT	18/10/2018	Nghị quyết Phiên họp Hội đồng quản trị lần 4/2018, ngày 18/10/2018. - Thông qua Báo cáo tình hình SXKD 09 tháng đầu năm 2018 và Kế hoạch SXKD 03 tháng cuối năm 2018. - Thông qua sửa đổi Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ theo Dự thảo tháng 9/2018 - Phê duyệt các hạng mục thuộc dự án Thượng Kon Tum. - Thống nhất hỗ trợ xưởng máy cho huyện Sông Hinh phục vụ công tác PCTT&TKCN, với giá trị 190 triệu đồng.
29.	1459/NQ-VSH- HĐQT	12/11/2018	Nghị quyết phê duyệt báo cáo KTKT dự án: Lắp đặt hệ thống camera giám sát tràn xả lũ hồ A Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn.
30.	1524/NQ-VSH- HĐQT	03/12/2018	Nghị quyết phê duyệt chi phí vật tư và thiết bị khoang tháo dỡ máy TBM, gói thầu TKT-4.2.1B, DA TĐ TKT.
31.	1525/NQ-VSH- HĐQT	03/12/2018	Nghị quyết phê duyệt chi phí và gia hạn thời gian thuê kho bảo quản thiết bị cơ điện, DA TĐ TKT.
32.	1526/NQ-VSH- HĐQT	03/12/2018	Nghị quyết phê chuẩn bổ sung chi phí Tư vấn lập hồ sơ đăng ký sử dụng nước mặt và Quy trình vận hành hồ chứa, DA TĐ TKT.
33.	1539/NQ-VSH- HĐQT	05/12/2018	Nghị quyết phê duyệt tạm ứng phát sinh, gói thầu TKT-4.2.1B, DA TĐ TKT.
34.	1595/NQ-VSH- HĐQT	18/12/2018	Nghị quyết phê duyệt dự toán bổ sung công tác mô tả địa chất hố móng Tuyển năng lượng - DA TĐ TKT.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
35.	1658/NQ-VSH- HĐQT	28/12/2018	Nghị quyết của HĐQT về việc phê chuẩn bổ nhiệm ông Hồ Đắc Toàn - Phó Phòng Kỹ thuật giữ chức danh Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty VSH kể từ ngày 01/01/2019.
36.	1659/NQ-VSH- HĐQT	28/12/2018	Nghị quyết phê duyệt chi phí tăng thêm do việc kéo dài tiến độ dự án Gói thầu: TKT-E&M EL2: cung cấp thiết bị cơ điện Nhà máy, dự án thủy điện Thượng Kon Tum.
37.	1661/NQ-VSH- HĐQT	28/12/2018	Nghị quyết phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hệ thống điện tự dùng Cửa nhận nước, dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

1.4. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Ông Võ Thành Trung
- Ông Nguyễn Văn Thanh
- Ông Lê Tuấn Hải
- Ông Phan Hồng Quân
- Ông Nguyễn Xuân Quang

2. Ban Kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

- Ông Trương Minh Tuấn – Trưởng BKS
- Bà Vũ Phương Thảo – Thành viên BKS
- Ông Vũ Hồng Đăng – Thành viên BKS
- Ông Lê Văn Diễn – Thành viên BKS (miễn nhiệm 30/5/2018)
- Ông Quách Vĩnh Bình – Thành viên BKS (bỏ nhiệm ngày 30/5/2018)

Ban kiểm soát gồm Trưởng ban làm việc chuyên trách và 03 thành viên đều là thành viên độc lập không điều hành.

2.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết		Tỷ lệ	
		Tổng số	Trong đó		
			Sở hữu		Đại diện
1. Trương Minh Tuấn	Tr. ban	0			
2. Vũ Phương Thảo	T. viên	0			
3. Vũ Hồng Đăng	T. viên	0			
5. Quách Vĩnh Bình	T. viên	0			

2.3. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Tham gia toàn bộ các cuộc họp Hội đồng quản trị (qua thư hoặc họp định kỳ trực tiếp); Thực hiện hoạt động giám sát thông qua việc kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp, tuân thủ trong việc ban hành các quyết định, nghị quyết, nội quy, quy chế của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty; Rà soát báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018; Kiểm tra việc thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn của Công ty kết hợp với việc thăm thực tế thi công công trường.

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGD trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. HĐQT và TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ (cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan; cung cấp tài liệu họp HĐQT và mời BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT, một số cuộc họp với nhà thầu của Công ty và các cuộc họp khác).

Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của BKS đều được gửi tới HĐQT và Tổng Giám đốc.

- Hoạt động khác của BKS:

Phối hợp với HĐQT và Tổng Giám đốc, hỗ trợ trong công tác tái khởi động dự án, lựa chọn nhà thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng với nhà thầu; đưa ra các ý kiến đóng góp để nâng cao hiệu quả quản trị và kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

ĐV: triệu đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số	Trong đó		
			Lương Thù lao	Thưởng	Lợi ích khác
Hội đồng quản trị					
1. Võ Thành Trung	Chủ tịch				
2. Nguyễn Xuân Quang	Ủy viên				
3. Phan Hồng Quân	Ủy viên				
4. Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên				
Ban Giám đốc					
1. Nguyễn Văn Thanh	TGD	1.250,64	1.090,32	100	60,32
2. Hoàng Anh Tuấn	PhóTGD	1.058,78	1.019,68		39,10
3. Dương Tấn Tường	PhóTGD	1.030,76	876,14		154,62

Ban Kiểm soát					
1. Trương Minh Tuấn	Tr. ban				
2. Vũ Phương Thảo	T. viên				
3. Vũ Hồng Đăng	T. viên				
4. Lê Văn Diễn	T. viên				
5. Quách Vĩnh Bình	T. viên				

Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát sẽ được xác định khi có nghị quyết của Đại hội cổ đông.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Hội đồng quản trị: Không có

Ban Kiểm soát: Không có

Ban Giám đốc: Không có

Kế toán trưởng: Không có

Thư ký công ty: Không có

Cổ đông lớn: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”) và công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình

bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty đã ghi nhận một số hạng mục phát sinh bổ sung của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị xây dựng tạm tính là 155.292.619.174 VND. Tuy nhiên, các phụ lục hợp đồng bổ sung cho phần khối lượng phát sinh này chưa được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt dẫn đến các phụ lục hợp đồng này chưa được ký kết với các nhà thầu. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không và ảnh hưởng, nếu có, đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt

Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 27 của báo cáo tài chính hợp nhất, mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện mà Công ty bị Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR18G gồm Tổng Công ty Công trình HydroChina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc kiện.


Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Dương Thị Nữ
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3796-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (đính kèm) 

CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH



Võ Thành Trung

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 32

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – “EVN”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 – 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 38121000021 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum hiện đang trong giai đoạn xây dựng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất điện năng và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Phan Hồng Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng ban	
Bà Vũ Phương Thảo	Thành viên	
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2018
Ông Lê Văn Diễn	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2018
Ông Vũ Hồng Đăng	Thành viên	

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Hoàng Anh Tuấn
Ông Dương Tấn Tường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61359032/20242678-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty đã ghi nhận một số hạng mục phát sinh bổ sung của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị xây dựng tạm tính là 155.292.619.174 VND. Tuy nhiên, các phụ lục hợp đồng bổ sung cho phần khối lượng phát sinh này chưa được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt dẫn đến các phụ lục hợp đồng này chưa được ký kết với các nhà thầu. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không và ảnh hưởng, nếu có, đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh


Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 27 của báo cáo tài chính hợp nhất, mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện mà Công ty bị Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR18G gồm Tổng Công ty Công trình HydroChina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc kiện.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1



Dương Thị Nữ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3796-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		812.517.207.536	1.111.844.264.567
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	157.422.876.270	150.842.843.316
111	1. Tiền		27.822.876.270	8.302.843.316
112	2. Các khoản tương đương tiền		129.600.000.000	142.540.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		78.000.000.000	336.700.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.1	78.000.000.000	336.700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		330.379.994.343	455.834.095.676
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	55.093.904.644	116.080.889.839
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	259.088.988.241	329.100.283.036
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	16.197.101.458	10.652.922.801
140	IV. Hàng tồn kho	8	240.244.250.270	150.060.013.775
141	1. Hàng tồn kho		240.244.250.270	150.060.013.775
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.470.086.653	18.407.311.800
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	4.547.197
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15	3.904.662.328	15.236.912.326
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.565.424.325	3.165.852.277
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.147.904.054.666	5.640.938.905.089
220	I. Tài sản cố định		645.550.326.712	712.570.028.157
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	645.550.326.712	712.570.028.157
222	Nguyên giá		3.090.018.732.747	3.077.037.279.928
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.444.468.406.035)	(2.364.467.251.771)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		6.476.204.585.014	4.901.505.046.829
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.476.204.585.014	4.901.505.046.829
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		13.298.824.261	13.226.544.189
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	13.298.824.261	13.226.544.189
260	IV. Tài sản dài hạn khác		12.850.318.679	13.637.285.914
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.122.961.821	1.653.558.877
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	1.484.788.214	1.484.788.214
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	12	10.242.568.644	10.498.938.823
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.960.421.262.202	6.752.783.169.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.965.812.306.619	3.848.054.821.953
310	I. Nợ ngắn hạn		436.703.902.773	277.657.234.643
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	240.586.089.993	202.170.320.844
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	265.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	21.560.223.697	25.245.799.893
314	4. Phải trả người lao động		30.800.000	12.586.695.350
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		26.286.029.975	21.010.299.278
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		13.957.426.171	2.413.148.450
320	7. Vay ngắn hạn	16	124.494.715.812	7.515.335.997
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.788.617.125	6.450.634.831
330	II. Nợ dài hạn		4.529.108.403.846	3.570.397.587.310
338	1. Vay dài hạn	16	4.529.108.403.846	3.570.397.587.310
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.994.608.955.583	2.904.728.347.703
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	2.994.608.955.583	2.904.728.347.703
411	1. Vốn cổ phần		2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.332.468.038	6.332.468.038
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		356.373.490.000	327.862.780.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		541.829.257.545	480.459.359.665
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		235.622.082.665	196.507.824.806
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		306.207.174.880	283.951.534.859
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.960.421.262.202	6.752.783.169.656



Phan Thị Thanh Thúy
Người lập



Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	563.577.508.755	526.698.194.628
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19, 22	(214.297.529.471)	(215.032.150.255)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		349.279.979.284	311.666.044.373
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	33.353.516.874	34.876.155.444
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	20	(15.756.540.048) (1.385.065.857)	(2.266.606.483) (1.090.913.878)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết		1.817.040.135	1.906.082.891
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21, 22	(25.629.262.806)	(24.918.140.416)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		343.064.733.439	321.263.535.809
31	9. Thu nhập khác		633.884.541	59.545.451
32	10. Chi phí khác		(1.202.460.333)	(334.148.540)
40	11. Lỗ khác		(568.575.792)	(274.603.089)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		342.496.157.647	320.988.932.720
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(36.288.982.767)	(35.907.784.396)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.3	-	(1.129.613.465)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		306.207.174.880	283.951.534.859
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		306.207.174.880	283.951.534.859
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.4	1.445	1.359
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.4	1.445	1.359


Phan Thị Thanh Thúy
Người lập


Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		342.496.157.647	320.988.932.720
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	81.202.439.419	80.397.693.538
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20	3.072.503.425	527.735.778
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(23.842.866.322)	(36.158.578.581)
06	Chi phí lãi vay	20	1.385.065.857	1.090.913.878
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		404.313.300.026	366.846.697.333
09	Giảm các khoản phải thu		62.533.466.486	42.829.343.751
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		256.370.179	(2.162.514.953)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(3.894.591.403)	24.482.745.770
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		535.144.253	(492.495.925)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.407.095.029)	(7.076.620.596)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.014.844.455)	(36.668.253.854)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.002.074.804)	(7.685.683.686)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		420.319.675.253	380.073.217.840
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.558.582.104.850)	(1.254.916.196.987)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		(45.454.545)	-
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(383.000.000.000)	(368.700.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		641.700.000.000	695.530.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia		28.658.058.797	42.445.146.018
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.271.269.500.598)	(885.641.050.969)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền nhận từ đi vay	16	1.072.522.708.151	864.217.790.695
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(8.753.038.352)	(322.041.030.747)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	17.3	(206.239.811.500)	(206.239.811.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		857.529.858.299	335.936.948.448
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		6.580.032.954	(169.630.884.681)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	150.842.843.316	320.473.727.997
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	157.422.876.270	150.842.843.316



Phan Thị Thanh Thúy
Người lập



Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“VSH” hoặc “Công ty”), một công ty con và một công ty liên kết như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – “EVN”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 – 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 38121000021 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum hiện đang trong giai đoạn xây dựng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất điện năng và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Công ty con

Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH (“Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH”)

VSH sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định (“Du lịch Bình Định”)

VSH sở hữu 49,72% vốn chủ sở hữu trong Du lịch Bình Định, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100259469 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 10 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Du lịch Bình Định là cung cấp dịch vụ du lịch khách sạn và lữ hành. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 10 Đường Nguyễn Huệ, Phường Lê Lợi, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 242 (31 tháng 12 năm 2017: 220).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh ("công ty mẹ") và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ và dụng cụ, vật liệu xây dựng	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 10 năm

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thể thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thể thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thể thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

VĨNH SƠN
SÔNG HINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

▶ *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán Điện, thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.003.445.154	360.322.906
Tiền gửi ngân hàng	26.819.431.116	7.942.520.410
Các khoản tương đương tiền	129.600.000.000	142.540.000.000
TỔNG CỘNG	157.422.876.270	150.842.843.316

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,5 – 5,2%/năm.

5. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 24)	54.374.425.925	115.529.411.120
Phải thu từ khách hàng khác	719.478.719	551.478.719
TỔNG CỘNG	55.093.904.644	116.080.889.839

6. TRẢ TRƯỚC CHO NHÀ CUNG CẤP

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	179.980.619.687	186.881.724.795
Hội đồng đến bù giải phóng mặt bằng Tỉnh Kon Tum	42.122.488.279	29.744.095.820
Khác	36.985.880.275	112.474.462.421
TỔNG CỘNG	259.088.988.241	329.100.283.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Thuyết minh số 24)	9.965.299.000	-
Lãi tiền gửi	2.877.208.220	7.719.226.222
Phải thu người lao động	1.944.070.329	1.489.816.298
Khác	1.410.523.909	1.443.880.281
TỔNG CỘNG	16.197.101.458	10.652.922.801

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật liệu xây dựng cơ bản (*)	210.907.822.448	149.401.880.991
Hàng đi đường	29.295.007.227	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.293.928	657.006.117
Công cụ, dụng cụ	1.126.667	1.126.667
TỔNG CỘNG	240.244.250.270	150.060.013.775

(*) Vật liệu xây dựng cơ bản chủ yếu bao gồm thiết bị phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị là 169.490.972.887 VND (31 tháng 12 năm 2017: 111.506.040.043 VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị vấn phòng	VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.069.024.245.031	963.668.507.712	34.151.103.741	10.193.423.444	3.077.037.279.928
Tăng trong năm	2.544.288.183	6.663.131.700	4.647.453.182	327.864.909	14.182.737.974
Thanh lý	-	-	(1.201.285.155)	-	(1.201.285.155)
Số cuối năm	2.071.568.533.214	970.331.639.412	37.597.271.768	10.521.288.353	3.090.018.732.747
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	96.812.687.846	835.630.237.347	22.161.672.551	2.959.437.735	957.564.035.479
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	1.455.335.878.874	877.512.154.839	27.446.221.834	4.172.996.224	2.364.467.251.771
Khấu hao trong năm	65.282.697.907	13.965.884.818	1.654.730.679	299.126.015	81.202.439.419
Thanh lý	-	-	(1.201.285.155)	-	(1.201.285.155)
Số cuối năm	1.520.618.576.781	891.478.039.657	27.899.667.358	4.472.122.239	2.444.468.406.035
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	613.688.366.157	86.156.352.873	6.704.881.907	6.020.427.220	712.570.028.157
Số cuối năm	550.949.956.433	78.853.599.755	9.697.604.410	6.049.166.114	645.550.326.712

Nhóm Công ty đã sử dụng một số tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại là 208.410.146.592 VND (31 tháng 12 năm 2017: 232.177.085.760 VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh số 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i) (*)	6.369.704.523.907	4.800.597.274.969
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 (ii)	98.047.075.772	98.047.075.772
Khác	8.452.985.335	2.860.696.088
TỔNG CỘNG	<u>6.476.204.585.014</u>	<u>4.901.505.046.829</u>

(i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kooi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được phê duyệt cho phép đầu tư dự án này theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 1 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ với công suất lắp máy là 220 MW. Dự án đã được chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32/EVN/HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2006 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(*) Nhóm Công ty đã ghi nhận một số hạng mục phát sinh của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị xây dựng tạm tính là 155.292.619.174 VND do phụ lục hợp đồng bổ sung phần khối lượng phát sinh và đơn giá chính thức của phần việc này chưa được phê duyệt. Vào ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty và các nhà thầu xây dựng đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết nhằm ký kết các phụ lục hợp đồng tương ứng. Theo đó, tổng giá trị xây dựng tạm tính này sẽ có thể thay đổi tùy theo phụ lục hợp đồng chính thức được phê duyệt.

(ii) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định cấp GCNĐT số 35101000062 ngày 7 tháng 11 năm 2007, thuộc Quy hoạch bậc thang thủy điện thượng Sông Côn thuộc tỉnh Bình Định và Gia Lai đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Thủy điện Vĩnh Sơn 2 có hai (2) hồ chứa, là Hồ Suối Say và Hồ Đak Kron Bun, với công suất lắp máy là 80MW. Thủy điện Vĩnh Sơn 3 có công suất lắp máy là 30 MW.

Nhóm công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 16).

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.901.505.046.829	3.166.605.788.887
Tăng trong năm	1.171.707.228.343	1.336.516.363.832
Vốn hóa chi phí lãi vay	402.992.309.842	398.382.894.110
Số cuối năm	<u>6.476.204.585.014</u>	<u>4.901.505.046.829</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cải tạo	1.007.810.306	1.414.326.061
Chi phí khảo sát, tư vấn xây dựng nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn	-	239.232.816
Khác	115.151.515	-
TỔNG CỘNG	<u>1.122.961.821</u>	<u>1.653.558.877</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.653.558.877	1.148.407.952
Tăng trong năm	623.698.189	2.121.489.091
Phân bổ trong năm	(1.154.295.245)	(1.616.338.166)
Số cuối năm	<u>1.122.961.821</u>	<u>1.653.558.877</u>

12. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ là trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

13.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm và và hưởng lãi suất từ 5,1 – 6,4%/năm.

Nhóm Công ty đã thế chấp 35.000.000.000 VND khoản tiền gửi ngân hàng nhằm đảm bảo cho các khoản bảo lãnh ngân hàng (Thuyết minh số 16).

13.2. Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định ("Du lịch Bình Định")	<u>13.298.824.261</u>	49,72	<u>13.226.544.189</u>	49,72

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2. Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	VND
	<i>Du lịch Bình Định</i>
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>9.812.957.192</u>
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết	
Số đầu năm	3.413.586.997
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	1.817.040.135
Cổ tức được chia trong năm (<i>Thuyết minh số 24</i>)	<u>(1.744.760.063)</u>
Số cuối năm	<u>3.485.867.069</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>13.226.544.189</u>
Số cuối năm	<u>13.298.824.261</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR 18G	188.796.692.308	188.796.692.308
Khác	<u>51.789.397.685</u>	<u>13.373.628.536</u>
TỔNG CỘNG	<u>240.586.089.993</u>	<u>202.170.320.844</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	(18.402.764.603)	56.666.346.926	(44.730.111.983)	(6.466.529.660)
Thuế nhà đất	-	2.371.329	(5.928.322)	(3.556.993)
TOTAL	<u>(18.402.764.603)</u>	<u>56.668.718.255</u>	<u>(44.736.040.305)</u>	<u>(6.470.086.653)</u>
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.014.844.455	36.288.982.767	(36.014.844.455)	10.288.982.767
Thuế tài nguyên	8.505.170.885	62.151.449.467	(65.809.331.553)	4.847.288.799
Phí dịch vụ môi trường rừng	5.885.669.076	26.007.057.576	(27.224.080.800)	4.668.645.852
Thuế thu nhập cá nhân	840.115.477	3.673.795.818	(2.758.605.016)	1.755.306.279
TỔNG CỘNG	<u>25.245.799.893</u>	<u>128.121.285.628</u>	<u>(131.806.861.824)</u>	<u>21.560.223.697</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY

	Số đầu năm	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
						VND
Ngắn hạn	7.515.335.997	-	(8.753.038.352)	125.796.544.255	(64.126.088)	124.494.715.812
Vay dài hạn đến hạn trả	7.515.335.997	-	(8.753.038.352)	125.796.544.255	(64.126.088)	124.494.715.812
Dài hạn	3.570.397.587.310	1.072.522.708.151	-	(125.796.544.255)	11.984.652.640	4.529.108.403.846
Vay ngắn hạn	3.570.397.587.310	1.072.522.708.151	-	(125.796.544.255)	11.984.652.640	4.529.108.403.846
TỔNG CỘNG	3.577.912.923.307	1.072.522.708.151	(8.753.038.352)	-	11.920.526.552	4.653.603.119.658

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Hợp đồng	Số cuối năm (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Bình Định (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng	847.930.914.220	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 đến ngày 26 tháng 12 năm 2027	10,40
	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng	561.975.518.614	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 đến ngày 26 tháng 12 năm 2027	9,90
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Kon Tum (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng	699.998.146.384	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 đến ngày 13 tháng 7 năm 2027	9,90- 10,10
	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng	499.000.000.000	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 đến ngày 13 tháng 7 năm 2027	9,40- 9,60
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") – Chi nhánh Hiệp Phú (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức tổng cộng 950 tỷ đồng	496.686.973.004	Từ ngày 22 tháng 3 năm 2019 đến ngày 22 tháng 9 năm 2027	10,15 - 10,30
	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức tổng cộng 950 tỷ đồng	450.000.000.000	Từ ngày 22 tháng 3 năm 2019 đến ngày 22 tháng 9 năm 2027	10,15 - 10,30
Vietcombank – Chi nhánh Gia Lai (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng	399.999.562.524	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 đến ngày 13 tháng 7 năm 2027	9,90- 10,10

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich (ii)	573.709.425.746	24.670.369	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2029	LIBOR thời hạn 6 tháng+2,97%	Bảo lãnh từ BIDV – Chi nhánh Bình Định từ khoản thế chấp tiền gửi tiết kiệm 35 tỷ VND (Thuyết minh số 13.1)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên (iii)	124.302.579.166	5.445.896	Từ ngày 1 tháng 6 năm 2018 đến ngày 1 tháng 6 năm 2035	Phí dịch vụ 0,75% và phí quản lý 0,2%	Tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh (Thuyết minh số 9)

TỔNG CỘNG **4.653.603.119.658** **30.116.265**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 4.529.108.403.846
Vay dài hạn 124.494.715.812

- (i) Những khoản vay này nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA giữa Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV – Chi nhánh Bình Định, Vietcombank – Chi nhánh Kon Tum, ACB – Chi nhánh Bình Định, HDBank – Chi nhánh Hiệp Phú và Vietcombank – Chi nhánh Gia Lai, trong đó, BIDV – Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tại sân đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Ngoài ra, BIDV – Chi nhánh Bình Định còn ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2014/HDBL/BIDV-VSH để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich với tổng số tiền bảo lãnh tối đa không vượt quá 30.634.865,8 USD.
- (ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tin dụng xuất khẩu với Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH.
- (iii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu ("NDF"). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã nhận bản giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam khi thực hiện cổ phần hoá thông qua hợp đồng tin dụng số 01/TTDNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước						
Số đầu năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	294.414.000.000	27.661.280.000	441.865.510.806	2.832.685.718.844
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	283.951.534.859	283.951.534.859
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(206.241.246.000)	(206.241.246.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	33.448.780.000	-	(33.448.780.000)	-
Tiền thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.252.000.000)	(1.252.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.755.660.000)	(3.755.660.000)
Khác	-	-	-	-	(660.000.000)	(660.000.000)
Số cuối năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	327.862.780.000	27.661.280.000	480.459.359.665	2.904.728.347.703
Năm nay						
Số đầu năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	327.862.780.000	27.661.280.000	480.459.359.665	2.904.728.347.703
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	306.207.174.880	306.207.174.880
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(206.241.246.000)	(206.241.246.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	28.510.710.000	-	(28.510.710.000)	-
Tiền thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(962.861.000)	(962.861.000)
Trích lập quỹ, khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(8.152.460.000)	(8.152.460.000)
Khác	-	-	-	-	(970.000.000)	(970.000.000)
Số cuối năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	541.829.257.545	2.994.608.955.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm Số lượng	Số đầu năm Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	206.241.246 206.241.246	206.241.246 206.241.246
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	206.241.246 206.241.246	206.241.246 206.241.246

17.3 Cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	206.241.246.000	206.241.246.000
Cổ tức đã trả trong năm	(206.239.811.500)	(206.239.811.500)

17.4 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	306.207.174.880	283.951.534.859
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(8.152.460.000)	(3.705.660.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	298.054.714.880	280.245.874.859
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	206.241.246	206.241.246
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản	1.445	1.359
- Lãi suy giảm	1.445	1.359

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được điều chỉnh giảm cho khoản tạm trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2018 theo kế hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 5 năm 2018.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày kết thúc năm tài chính của báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	562.807.389.663	526.068.124.355
Doanh thu cung cấp dịch vụ	770.119.092	630.070.273
DOANH THU THUẦN	563.577.508.755	526.698.194.628

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.071.637.841	34.252.495.690
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.281.879.033	623.659.754
TỔNG CỘNG	33.353.516.874	34.876.155.444

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản xuất điện	213.758.849.151	214.607.577.771
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	538.680.320	424.572.484
TỔNG CỘNG	214.297.529.471	215.032.150.255

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.385.065.857	1.090.913.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.091.733	527.735.778
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.354.382.458	647.956.827
TỔNG CỘNG	15.756.540.048	2.266.606.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	13.550.270.181	15.021.729.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.703.114.105	2.933.293.066
Chi phí vật liệu quản lý	738.763.700	750.953.312
Chi phí khấu hao	634.653.516	638.020.444
Thuế, phí, lệ phí	419.006.939	438.708.061
Khác	7.583.454.365	5.135.435.578
TỔNG CỘNG	<u>25.629.262.806</u>	<u>24.918.140.416</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường	88.158.507.043	88.629.032.534
Chi phí khấu hao	80.613.414.561	79.893.155.488
Chi phí nhân công	42.345.557.507	42.808.835.548
Chi phí nguyên vật liệu	9.521.605.295	7.589.899.186
Chi phí sửa chữa và bảo trì tài sản cố định	4.474.292.640	6.668.402.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.128.187.319	5.376.895.855
Chi phí khác	10.685.227.912	8.984.065.350
TỔNG CỘNG	<u>239.926.792.277</u>	<u>239.950.286.628</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Đối với hoạt động sản xuất điện, Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2005 đến 2008), và được giảm 50% thuế TNDN trong tám (8) năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2016).

Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.288.982.767	35.514.844.455
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	392.939.941
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	1.129.613.465
TỔNG CỘNG	<u>36.288.982.767</u>	<u>37.037.397.861</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>342.496.157.647</u>	<u>320.988.932.720</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	68.499.231.529	64.197.786.543
<i>Điều chỉnh:</i>		
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(32.194.195.867)	(28.600.767.445)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(363.408.027)	(381.216.578)
Giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.129.613.465
Chi phí không được trừ	237.489.655	54.993.351
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	392.939.941
Doanh thu chưa thực hiện	109.865.477	244.048.584
Chi phí thuế TNDN	<u>36.288.982.767</u>	<u>37.037.397.861</u>

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>1.484.788.214</u>	<u>1.484.788.214</u>	-	(1.129.613.465)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan	Bán điện	562.807.389.663	526.068.124.355
Tổng Công ty Phát điện 3	Bên liên quan	Cổ tức đã trả	63.016.948.000	63.016.948.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Bên liên quan	Cổ tức đã trả	42.716.160.000	42.716.160.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	1.744.760.063	1.744.632.271

Vào ngày kết thúc năm tài chính, khoản phải thu với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan	Bán điện	<u>54.374.425.925</u>	<u>115.529.411.120</u>
---	---------------	----------	-----------------------	------------------------

Phải thu ngắn hạn khác

Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan	Phải thu về thuế tài nguyên môi trường	<u>9.965.299.000</u>	<u>-</u>
----------------------------	---------------	--	----------------------	----------

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và các lợi ích khác	<u>3.953.221.030</u>	<u>2.733.502.362</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

25. CAM KẾT VỐN

Vào ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có khoản cam kết 1.506.425.300,879 VND (31 tháng 12 năm 2017: 2.272.723.490.906 VND) chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum.

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong năm của Nhóm Công ty là sản xuất điện năng và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty bán ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

27. NỢ TIỀM TÀNG

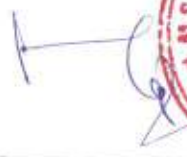
Vào ngày 4 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Thông báo số 526/VIAC của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC") về vụ kiện số 24/14 liên quan tới Hợp đồng số 885/2010/HĐ-VSH-TH về việc Thiết kế và Thi công tuyển năng lượng giai đoạn 2 dự án Thượng Kon Tum ("Hợp đồng"). Trong thông báo này, Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR18G gồm Tổng Công ty Công trình HydroChina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc là nguyên đơn yêu cầu Công ty bồi thường về việc vi phạm Hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty đã gửi đến VIAC hồ sơ tự bảo vệ. Ngoài ra, Công ty cũng đưa ra phản tố và yêu cầu bồi thường ngược lại vào ngày 20 tháng 11 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản nợ liên quan đến vụ án này trên báo cáo tài chính hợp nhất do kết quả sau cùng của vụ kiện chưa được xác định.

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Phan Thị Thanh Thủy
Người lập



Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019